

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN
SẢN XUẤT KINH DOANH XNK
DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ ngày 31 tháng 3 năm 2012	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	14 - 44
8. Phụ lục	45 - 47

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005032 ngày 18 tháng 7 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 07 về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước (Công ty xuất nhập khẩu và đầu tư Chợ Lớn)	46.220.020.000	19,26
Các cổ đông khác	193.779.980.000	80,74
Cộng	240.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8)38.641.885

Fax : (84-8)38.642.060

Website : www.tanimex.com.vn

Mã số thuế : 0301464904

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	108 Tây Thạnh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Vũng Tàu	64 – 66 Trần Phú, Phường 5, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Chi nhánh Long An	Ấp Lộc An, Xã Lộc Giang, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phục vụ tiêu dùng nội địa và xuất khẩu; dịch vụ nhà hàng, khách sạn, kiều hối; kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế; Đầu tư và hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu; Đầu tư và hợp tác đầu tư xây dựng: nhà, xưởng sản xuất các mặt hàng để xuất khẩu; Thi công xây dựng: các công trình dân dụng và công nghiệp, các công trình giao thông, cấp thoát nước và cây xanh (gồm mới và duy tu), các công trình thủy lợi, hệ thống chiếu sáng; kinh doanh kho hàng, xưởng sản xuất và giao nhận hàng; Dịch vụ: thể dục, thể thao (sân tennis, hồ bơi và các loại hình thể dục, thể thao giải trí khác); Sản xuất, gia công khung kèo thép, các sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất, xây dựng và tiêu dùng; Lắp dựng khung kèo thép; San lấp mặt bằng; Vận chuyển hàng hóa, đại lý vận tải; Mua bán vật tư phục vụ nuôi trồng thủy sản; kinh doanh công viên cây xanh (trồng cây, chăm sóc cây xanh); Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp; Duy tu nạo vét cống rãnh; Sản xuất và mua bán nước tinh khiết; Sản xuất suất ăn công nghiệp; Dịch vụ rửa xe; Kinh doanh vận chuyển hành khách theo hợp đồng; Sản xuất, chế biến và mua bán các loại thực phẩm, thức ăn gia súc, thủy hải sản; Đào tạo dạy nghề; Sửa chữa, bảo trì ô tô và xe cơ giới các loại; Tư vấn cung cấp giải pháp công nghệ và thi công các hệ thống xử lý nước thải, nước tinh khiết, khí thải và các tác nhân gây ô nhiễm môi trường; Trồng rừng; Khai thác cát đen; Khai thác đất sét; Sản xuất gạch ngói và nguyên vật liệu xây dựng; Lập tổng dự toán và dự toán công trình; Tư vấn đấu thầu; Lập dự án đầu tư; Thẩm tra thiết kế và dự toán; Khai thác và xử lý nước ngầm; Đầu tư xây dựng và cho thuê văn phòng; Dịch vụ quảng cáo thương mại; Dịch vụ giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và khai thuế hải quan; Đầu tư xây dựng và kinh doanh trung tâm thương mại; Kinh doanh khai thác và quản lý chợ; Cho thuê cao ốc văn phòng; Dịch vụ môi giới, quản lý, định giá, đấu giá, sàn giao dịch bất động sản; Quảng cáo; Kinh doanh bất động sản; Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu và lợi nhuận trong kỳ phát sinh chủ yếu từ việc Công ty bán toà nhà Taniooffice Tây Thạnh.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 47).

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2011 theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 01/BBĐHĐCĐ-2012 ngày 07 tháng 01 năm 2012 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2011 ngày 09 tháng 01 năm 2012 như sau:

- Chia cổ tức (35% trên vốn điều lệ) (*)	42.000.000.000 VND
- Trích quỹ đầu tư phát triển	19.824.881.383 VND
- Trích quỹ dự phòng tài chính	4.956.220.346 VND
- Trích quỹ khen thưởng	5.608.200.891 VND
- Trích quỹ phúc lợi	6.938.708.484 VND
- Thù lao HĐQT & Ban kiểm soát	900.000.000 VND

(*) Trong đó cổ tức đã ứng được ghi nhận vào Báo cáo tài chính năm trước là 17.818.954.500 VND.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2012 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Chủ tịch	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Lê Trọng Lập	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Trần Quang Trường	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Trần Thị Lan	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Ông Võ Chí Thanh	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Lê Thị Thanh Phương	Trưởng ban	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Minh Anh	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thu Giang	Thành viên	09 tháng 01 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Tâm	Tổng Giám đốc	Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên hàng năm	-
Ông Nguyễn Văn Ngoãn	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	-
Ông Lê Trọng Lập	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	-
Ông Trần Quang Trường	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 01 năm 2011	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012.

Xác nhận của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Hội đồng quản trị phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản trị đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Hội đồng quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Minh Tâm
Chủ tịch

Ngày 11 tháng 5 năm 2012

Số: 0529/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 9 NĂM 2012
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ
VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012 của Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012, được lập ngày 05 tháng 5 năm 2012, từ trang 07 đến trang 47 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình thực hiện công tác soát xét chúng tôi nhận thấy có vấn đề sau:

Tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình thuộc Công ty cổ phần sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu dịch vụ và đầu tư Tân Bình phát sinh doanh thu chủ yếu từ 3 hoạt động: cho thuê đất tại Khu công nghiệp, bán nền đất và bán chung cư. Từ năm 1998 đã bắt đầu phát sinh việc thu tiền thuê đất trong Khu công nghiệp trong khi chi phí về xây dựng cơ sở hạ tầng để phục vụ cho hoạt động chưa phát sinh đầy đủ và tại thời điểm đó lại phát sinh các chi phí đền bù để di dời các hộ dân. Do vậy từ năm 2003 trở về trước Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình đã áp dụng phương pháp ghi nhận doanh thu một lần theo phương pháp “chuyển giao lô đất”: doanh thu được ghi nhận khi đất được chuyển giao cho bên đi thuê trên thực địa và thanh toán tiền một lần và giá vốn tại thời điểm đó là các chi phí liên quan đến việc đền bù giải tỏa các hộ dân. Từ năm 2003 trở đi, sau khi đã tập hợp các chi phí liên quan đến hoạt động thuê đất và chi phí liên quan đến hoạt động bán nền và bán căn hộ chung cư thì hàng năm Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình ghi nhận doanh thu, giá vốn theo kế hoạch và từng bước điều chỉnh tỷ lệ lãi gộp của dự án theo số liệu ước tính. Theo giải thích của Công ty, sở dĩ có tình trạng trên là do từ năm 2003 trở về trước các chuẩn mực kế toán chưa được ban hành đầy đủ và cũng chưa có các hướng dẫn cụ thể liên quan đến việc ghi nhận doanh thu và chi phí cho hoạt động này. Việc ghi nhận doanh thu và chi phí như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước chấp nhận.

Theo chúng tôi, việc ghi nhận doanh thu và chi phí cho các hoạt động cho thuê đất tại khu công nghiệp, bán nền đất và bán căn hộ chung cư như trên là chưa phù hợp với hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 “Doanh thu và thu nhập khác”. Theo đó, doanh thu cho thuê đất được ghi nhận theo số tiền thuê hàng năm, doanh thu bán nền đất và bán căn hộ chung cư được ghi nhận khi đã bàn giao nền và căn hộ. Giá vốn là các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tạo ra doanh thu và được ghi nhận phù hợp với doanh thu.

Do việc ghi nhận doanh thu và chi phí của Công ty đã phát sinh từ nhiều năm về trước và khối lượng hợp đồng đã ký kết rất lớn và phức tạp nên chúng tôi không thể định lượng được ảnh hưởng của vấn đề này đến các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính .

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Phùng Thị Quang Thái – Phó Tổng Giám Đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094/KTV

Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1182/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		563.370.447.638	446.841.815.703
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	250.157.911.196	214.036.519.782
1. Tiền	111		16.179.514.772	14.226.883.782
2. Các khoản tương đương tiền	112		233.978.396.424	199.809.636.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		17.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	17.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.662.729.729	31.647.129.245
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	7.027.785.715	12.552.709.556
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	4.961.995.263	10.609.588.480
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	7.672.948.751	8.619.776.209
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	-	(134.945.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	272.023.888.265	199.481.437.284
1. Hàng tồn kho	141		272.023.888.265	199.481.437.284
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.525.918.448	1.676.729.392
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.887.262.555	22.173.478
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.337.581	6.088.327
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	1.636.318.312	1.648.467.587

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		412.737.363.845	522.916.625.674
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.847.783.119	19.730.580.263
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.9	12.481.765.337	15.883.360.481
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.10	6.616.567.913	6.116.567.913
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.11	(2.250.550.131)	(2.269.348.131)
II. Tài sản cố định	220		192.296.748.942	221.895.682.007
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	48.401.769.536	50.288.787.299
<i>Nguyên giá</i>	222		157.384.579.599	153.498.925.605
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(108.982.810.063)	(103.210.138.306)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	111.652.583.793	101.160.800.060
<i>Nguyên giá</i>	228		358.270.548.650	335.256.168.071
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(246.617.964.857)	(234.095.368.011)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	32.242.395.613	70.446.094.648
III. Bất động sản đầu tư	240	V.15	135.735.374.363	200.234.184.080
<i>Nguyên giá</i>	241		204.241.726.708	263.250.701.124
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(68.506.352.345)	(63.016.517.044)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		67.573.488.673	80.953.815.576
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	17.400.000.000	17.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	57.855.181.340	62.944.181.340
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	20.224.975.000	29.125.789.294
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(27.906.667.667)	(28.516.155.058)
V. Tài sản dài hạn khác	260		283.968.748	102.363.748
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		28.968.748	97.363.748
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		255.000.000	5.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		976.107.811.483	969.758.441.377

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		462.674.971.758	466.396.187.483
I. Nợ ngắn hạn	310		64.408.959.245	76.782.781.024
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	10.892.120.000	26.695.600.000
2. Phải trả người bán	312	V.21	16.535.230.749	15.337.029.046
3. Người mua trả tiền trước	313		113.174.320	96.138.910
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	3.806.387.081	2.299.502.444
5. Phải trả người lao động	315		-	7.579.493.583
6. Chi phí phải trả	316	V.23	18.074.879.161	17.797.390.070
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	4.799.889.878	4.431.625.705
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25	10.187.278.056	2.546.001.266
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		398.266.012.513	389.613.406.459
1. Phải trả dài hạn người bán	331		307.209.876	401.065.862
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26	47.238.467.771	72.362.364.724
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27	88.231.175.295	100.844.371.801
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		267.692.657	271.116.407
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.28	262.221.466.914	215.734.487.665
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		513.432.839.725	503.362.253.894
I. Vốn chủ sở hữu	410		513.432.839.725	503.362.253.894
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29	240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.29	90.352.860.000	90.352.860.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.29	(12.901.547.446)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.29	81.847.409.602	60.877.859.550
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.29	16.514.648.513	11.272.260.999
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29	97.619.469.056	100.859.273.345
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		976.107.811.483	969.758.441.377

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		214.855,42	116.925,63
Euro (EUR)		17.844,00	17.844,00
Yên Nhật (¥)		182.014,00	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lập biểu

Hà Thị Thu Thảo
Kế toán phó



Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	181.361.389.569	356.747.609.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		177.733.941	533.354
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	181.183.655.628	356.747.075.874
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	69.517.901.008	212.629.764.110
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		111.665.754.620	144.117.311.764
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	23.823.609.763	13.027.324.166
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	17.106.663.110	17.947.832.095
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.339.476.221	9.429.087.228
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	29.611.967.868	21.239.913.933
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	10.327.750.750	12.934.663.782
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		78.442.982.655	105.022.226.120
11. Thu nhập khác	31	VI.7	409.439.632	1.196.874.678
12. Chi phí khác	32	VI.8	643.492	872.971.902
13. Lợi nhuận khác	40		408.796.140	323.902.776
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		78.851.778.795	105.346.128.896
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.23	19.682.526.480	26.151.336.324
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>59.169.252.315</u>	<u>79.194.792.572</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-



Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lập biểu



Hà Thị Thu Thảo
Kế toán phó

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2012




Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)****(Theo phương pháp trực tiếp)****6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		232.570.999.500	235.859.155.995
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(62.149.808.318)	(59.213.674.537)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.528.054.267)	(13.803.086.492)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	VI.4; V.23; V.5	(9.898.989.258)	(9.173.891.951)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.21	(20.375.293.816)	(11.804.526.364)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		526.697.586.829	679.301.746.939
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(545.952.745.212)	(651.778.851.353)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		102.363.695.458	169.386.872.237
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12.041.021.543)	(88.440.632.077)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	300.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(32.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		15.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.17	(1.300.000.000)	(2.750.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		7.301.084.606	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	22.257.248.766	9.367.484.317
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(782.688.171)	(81.523.147.760)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.29	(12.901.547.446)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.27	4.203.882.843	41.857.525.734
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.20; V.27	(32.724.866.675)	(10.588.100.000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	(24.064.064.800)	(23.805.747.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(65.486.596.078)	7.463.678.234
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		36.094.411.209	95.327.402.711
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	214.036.519.782	120.740.983.661
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		26.980.205	19.456.901
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	250.157.911.196	216.087.843.273

Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lập biểu

Hà Thị Thu Thảo
Kế toán phó

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2012

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, kinh doanh bất động sản.
- Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp.
- Nhân viên**
6 tháng đầu năm 2012, cán bộ công nhân viên bình quân Công ty là 186 nhân viên (năm trước là 198 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu và lợi nhuận trong kỳ phát sinh chủ yếu từ việc bán toà nhà Tanioffice Tây Thạnh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm sau.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.
- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 15
Máy móc và thiết bị	07
Phương tiện vận tải	06 – 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 04
Cây lâu năm	07
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 07

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại bất động sản đầu tư</u>	<u>Số năm</u>
Nhà trên đất	08 - 35
Quyền sử dụng đất	50

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, Số năm khấu hao của quyền sử dụng đất như sau:

<u>Loại chi phí</u>	<u>Số năm</u>
San lấp mặt bằng	05 – 07
Kinh phí đền bù	05 - 07
Quyền sử dụng đất	50

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm: công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí sửa chữa văn phòng, Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

12. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Bổ sung vốn điều lệ của Công ty	20%	Do Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội cổ đông quyết định
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh; Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.	5%	20% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	8%	Do Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội cổ đông quyết định

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu là thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trong đó bao gồm thù lao và các chi phí hợp lý liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/9/2011 : 20.628 VND/USD
28.106 VND/EUR
31/3/2012 : 20.828 VND/USD
27.598 VND/EUR

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

18. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty nghiệp được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.457.182.903	6.305.529.620
Tiền gửi ngân hàng	9.722.331.869	7.921.354.162
Các khoản tương đương tiền (*)	233.978.396.424	199.809.636.000
Cộng	<u>250.157.911.196</u>	<u>214.036.519.782</u>

(*) Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cho Công ty cổ phần đầu tư & xây dựng KCN Vĩnh Lộc – Bến Lức vay với lãi suất 17,5%/năm	5.000.000.000	-
Cho Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex vay với lãi suất 14%/năm	7.000.000.000	-
Cho Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn vay với lãi suất 14%/năm	5.000.000.000	-
Cộng	<u>17.000.000.000</u>	<u>-</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	3.221.910.634	2.274.821.740
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	3.805.875.081	10.116.874.219
Chi nhánh Vũng Tàu	-	161.013.597
Cộng	<u>7.027.785.715</u>	<u>12.552.709.556</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Bình	4.961.995.263	10.609.588.480
Cộng	<u>4.961.995.263</u>	<u>10.609.588.480</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền cho mượn	200.000.000	1.300.000.000
Tạp chí thể giới tennis	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH MTV SX DV Tân Bình (Taniservice)	-	600.000.000
Công ty TNHH MTV TM DV y tế Tân Bình	-	500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi tiền gửi tiết kiệm dự thu	1.169.531.614	2.217.133.333
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp của hoạt động kinh doanh bất động sản (2%)	5.037.851.595	4.228.041.205
Phải thu lãi kích cầu	562.382.824	155.821.873
Thuế GTGT chưa kê khai	-	16.051.488
Dương Tấn Lợi - tạm ứng tiền đền bù	200.000.000	200.000.000
Công ty Toàn Trung tiền bồi thường	300.000.000	300.000.000
Các khoản phải thu khác	203.182.718	202.728.310
Cộng	<u>7.672.948.751</u>	<u>8.619.776.209</u>
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	134.945.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	134.945.000
Chuyển sang dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(134.945.000)	-
Số cuối kỳ	<u>-</u>	<u>134.945.000</u>
7. Hàng tồn kho	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.311.835	478.559
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	254.801.260.219	181.621.514.751
Hàng hóa	17.115.968.938	17.756.761.068
Hàng hóa bất động sản	105.347.273	102.682.906
Cộng	<u>272.023.888.265</u>	<u>199.481.437.284</u>
8. Tài sản ngắn hạn khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	658.053.878	699.526.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	978.264.434	948.941.587
Cộng	<u>1.636.318.312</u>	<u>1.648.467.587</u>
9. Phải thu dài hạn của khách hàng	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương	5.550.375.106	9.495.424.250
Công ty TNHH sản xuất – thương mại Êm Đềm	2.115.602.131	2.115.602.131
Công ty cổ phần Kính Tân Bình	2.383.987.100	2.383.987.100
Các khách hàng khác	2.431.801.000	1.888.347.000
Cộng	<u>12.481.765.337</u>	<u>15.883.360.481</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

10. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền cho mượn:	6.616.567.913	6.116.567.913
<i>Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ y tế Tân Bình (Tanimedì)</i>	500.000.000	-
<i>Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima)</i>	6.116.567.913	6.116.567.913
Cộng	<u>6.616.567.913</u>	<u>6.116.567.913</u>

11. Dự phòng nợ phải thu dài hạn khó đòi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.269.348.131	-
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	2.269.348.131
Chuyển từ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	134.945.000	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(153.743.000)	-
Số cuối kỳ	<u>2.250.550.131</u>	<u>2.269.348.131</u>

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm trang 45.

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>San lấp mặt bằng</u>	<u>Kinh phí đền bù</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.399.855.437	84.218.125.350	245.550.737.284	87.450.000	335.256.168.071
Tăng trong kỳ	22.911.680.579	-	102.700.000	-	23.014.380.579
<i>Kết chuyển từ bất động sản đầu tư</i>	22.489.928.479	-	-	-	22.489.928.479
<i>Kết chuyển từ xây dựng cơ bản</i>	421.752.100	-	102.700.000	-	524.452.100
Số cuối kỳ	<u>28.311.536.016</u>	<u>84.218.125.350</u>	<u>245.653.437.284</u>	<u>87.450.000</u>	<u>358.270.548.650</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	69.563.827.691	149.640.333.530	87.450.000	219.291.611.221
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	881.646.547	75.647.202.995	157.480.525.969	85.992.500	234.095.368.011
Khấu hao trong kỳ	278.897.838	1.066.636.138	9.601.310.376	1.457.500	10.948.301.852
<i>Kết chuyển từ bất động sản đầu tư</i>	1.574.294.994	-	-	-	1.574.294.994
Số cuối kỳ	<u>2.734.839.379</u>	<u>76.713.839.133</u>	<u>167.081.836.345</u>	<u>87.450.000</u>	<u>246.617.964.857</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.518.208.890	8.570.922.355	88.070.211.315	1.457.500	101.160.800.060
Số cuối kỳ	<u>25.576.696.637</u>	<u>7.504.286.217</u>	<u>78.571.600.939</u>	<u>-</u>	<u>111.652.583.793</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản phát sinh trong kỳ được trình bày ở Phụ lục số 02 đính kèm trang 46.

15. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	41.114.386.807	221.361.862.308	774.452.009	263.250.701.124
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	3.834.126.208	-	3.834.126.208
Giảm trong kỳ	(22.489.928.479)	(40.353.172.145)	-	(62.843.100.624)
<i>Chuyển sang tài sản cố định</i>	(22.489.928.479)	-	-	(22.489.928.479)
<i>Chuyển sang hàng tồn kho</i>	-	(34.444.975.445)	-	(34.444.975.445)
<i>Chuyển sang xây dựng cơ bản</i>	-	(5.908.196.700)	-	(5.908.196.700)
Số cuối kỳ	18.624.458.328	184.842.816.371	774.452.009	204.241.726.708
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.186.322.247	60.771.654.858	58.539.939	63.016.517.044
Tăng trong kỳ	188.295.852	9.902.402.932	35.123.964	10.125.822.748
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	188.295.852	8.197.926.788	35.123.964	8.421.346.604
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	1.704.476.144	-	1.704.476.144
Giảm trong kỳ	(1.574.294.994)	(3.061.692.453)	-	(4.635.987.447)
<i>Chuyển sang tài sản cố định hữu hình</i>	(1.574.294.994)	-	-	(1.574.294.994)
<i>Chuyển sang hàng tồn kho</i>	-	(2.234.544.915)	-	(2.234.544.915)
<i>Chuyển sang xây dựng cơ bản</i>	-	(827.147.538)	-	(827.147.538)
Số cuối kỳ	800.323.105	67.612.365.337	93.663.903	68.506.352.345
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	38.928.064.560	160.590.207.450	715.912.070	200.234.184.080
Số cuối kỳ	17.824.135.223	117.230.451.034	680.788.106	135.735.374.363

16. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Tân Bình (Tanicom) ^(a)	-	6.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice) ^(a)	12.000.000.000	6.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima) ^(b)	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Du lịch Tân Thắng ^(c)	400.000.000	400.000.000
Cộng	17.400.000.000	17.400.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4104000192 thay đổi lần thứ 03, ngày 25 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice) 6.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Tân Bình (Tanicom) đã sáp nhập vào Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice) với số vốn mới là 12.000.000.000 VND.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 1100776581 thay đổi lần thứ 3 ngày 20 tháng 01 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, trong đó thay đổi vốn điều lệ từ 3.000.000.000 VND lên 5.000.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima) 5.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 3400910908 đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 4 năm 2011 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần đầu tư du lịch Tân Thắng 400.000.000 VND tương đương 40% vốn điều lệ.

17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn ^(a)	3.600.000	36.000.000.000	3.600.000	36.000.000.000
Công ty cổ phần xây dựng cơ khí Tân Bình ^(b)	612.750	5.700.000.000	570.000	5.700.000.000
Công ty cổ phần kiếng Tân Bình ^(c)	1.325.518	13.255.181.340	1.379.418	13.794.181.340
Công ty cổ phần thương mại du lịch Mimosza xanh ^(d)	-	-	585.000	5.850.000.000
Công ty cổ phần kính Tân Bình ^(e)	290.000	2.900.000.000	160.000	1.600.000.000
Cộng		57.855.181.340		62.944.181.340

- (a) Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 39/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép điều chỉnh số 65/UBCK-GP của Ủy ban chứng khoán nhà nước cấp bổ sung ngày 22 tháng 8 năm 2007, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn 36.000.000.000 VND tương đương 40% vốn điều lệ.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0304592598 thay đổi lần thứ 03, ngày 03 tháng 9 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần cơ khí Tân Bình 5.700.000.000 VND tương đương 47,50% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty được chia cổ tức theo phương thức phát hành cổ phiếu thưởng với tỷ lệ 7,5%/vốn điều lệ tương ứng 42.750 cổ phiếu. Việc tặng cổ phiếu sở hữu theo phương thức phát hành cổ phiếu thưởng không làm thay đổi tỷ lệ đầu tư của Công ty vào Công ty cổ phần cơ khí Tân Bình.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103009526 ngày 03 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần kiếng Tân Bình 13.794.181.340 VND tương đương 48,92% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty được hoàn trả 53.900 cổ phần tương ứng 539.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 13.255.181.340 VND, tương đương 48,92% vốn điều lệ (số đầu năm là 13.794.181.340 VND, tương đương 48,92% vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 5800553524 đăng ký thay đổi lần 01, ngày 17 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần thương mại du lịch Mimoza xanh 5.850.000.000 VND tương đương 45,00% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã chuyển nhượng 585.000 cổ phần với giá chuyển nhượng là 1.000 VND/cổ phần. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, vốn đầu tư của Công ty là 0 VND.
- (e) Công ty đã đầu tư vào Công ty cổ phần kính Tân Bình 1.600.000.000 VND tương đương 20% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã góp thêm 1.300.000.000 VND.

18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	10.005	30.393.074	21.458	76.263.680
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Công thương	554.655	4.669.841.614	554.655	4.669.841.614
Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ)	-	-	14.500	594.500.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (STB)	3	60.312	42.973	863.934.000
Công ty cổ phần lương thực Nam Trung Bộ	120.000	8.020.000.000	120.000	8.020.000.000
Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long	560.343	5.603.430.000	1.000.000	10.000.000.000
Công ty cổ phần thực phẩm Cholimex	-	-	200.000	3.000.000.000
Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics		1.901.250.000		1.901.250.000
Cộng		20.224.975.000		29.125.789.294

Lý do thay đổi:

- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam giảm 11.453 cổ phiếu do nhượng bán cổ phiếu.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận (PNJ) giảm 14.500 cổ phiếu do nhượng bán cổ phiếu.
- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín giảm 42.970 cổ phiếu do nhượng bán cổ phiếu.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần quản lý đầu tư chứng khoán Việt Long giảm 439.657 cổ phiếu do thoái vốn.
- Cổ phiếu Công ty cổ phần thực phẩm Cholimex giảm 200.000 cổ phiếu do nhượng bán cổ phiếu.
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 412022000355 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 5 năm 2011 do Ban quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đã đầu tư vào Công ty TNHH ITL Keppel Tanimex Logistics 1.901.250.000 VND tương đương 15% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	620.860.114	278.420.100
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh (*)	24.344.533.735	22.755.431.747
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Chợ Lớn</i>	<i>11.803.236.998</i>	<i>10.669.860.112</i>
<i>Công ty Cổ phần Kiến Tân Bình</i>	<i>11.507.329.386</i>	<i>11.507.329.386</i>
<i>Công ty Cổ phần thương mại du lịch Mimoza xanh</i>	-	<i>167.255.551</i>
<i>Công ty Cổ phần Kinh Tân Bình</i>	<i>1.033.967.351</i>	<i>410.986.698</i>
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác – Công ty Cổ phần quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Long (*)	2.941.273.818	5.482.303.211
Cộng	<u>27.906.667.667</u>	<u>28.516.155.058</u>

(*) Công ty đang trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn dựa vào giá trị sổ sách của các Công ty này. Số liệu trên Báo cáo tài chính mà Công ty làm cơ sở lập dự phòng của các đơn vị này chưa được kiểm toán.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(28.516.155.058)	(17.923.951.516)
Trích lập dự phòng bổ sung	(7.052.082.609)	(5.063.388.196)
Giảm khác	7.661.570.000	-
Số cuối kỳ	<u>(27.906.667.667)</u>	<u>(22.987.339.712)</u>

20. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác (*)	305.600.000	305.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.27)	10.586.520.000	26.390.000.000
Cộng	<u>10.892.120.000</u>	<u>26.695.600.000</u>

(*) Khoản vay các cá nhân để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 01 năm với lãi suất 1%/tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	305.600.000	-	-	305.600.000
Vay dài hạn đến hạn trả	26.390.000.000	(15.878.490.000)	75.010.000	10.586.520.000
Cộng	<u>26.695.600.000</u>	<u>(15.878.490.000)</u>	<u>75.010.000</u>	<u>10.892.120.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

21. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần xây lắp Toàn Trung	-	239.487.803
Công ty cổ phần điện cơ	-	292.542.250
Công ty TNHH thể thao Thành Lâm	-	142.134.849
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Đông Tây	5.409.259.371	-
Công ty TNHH xây dựng điện Thiên Việt	-	378.625.295
Công ty TNHH tư vấn thương mại dịch vụ Gia Bảo	437.702.380	-
Công ty TNHH thương mại xây dựng Rạng Đông	406.149.900	-
Công ty cổ phần xây dựng - cơ khí Tân Bình Tanimex	8.100.357.125	11.515.679.149
Công ty cổ phần đầu tư sản xuất Kim Hải	338.894.150	1.694.470.749
Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình Tanimex	1.438.923.990	471.650.550
Các nhà cung cấp khác	403.943.833	602.438.401
Cộng	<u>16.535.230.749</u>	<u>15.337.029.046</u>

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số được trừ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	112.423.411	12.120.504.603	-	(10.733.709.777)	1.499.218.237
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.584.287.773	19.682.526.480	(216.057.842)	(19.247.130.197)	1.803.626.214
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	486.491.893	1.025.868.232	-	(1.128.163.619)	384.196.506
Thuế thu nhập cá nhân	116.299.367	1.573.647.095	-	(1.570.600.338)	119.346.124
Tiền thuê đất	-	110.761.075	-	(110.761.075)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	-	(5.000.000)	-
Cộng	<u>2.299.502.444</u>	<u>34.518.307.485</u>	<u>(216.057.842)</u>	<u>(32.795.365.006)</u>	<u>3.806.387.081</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phí tiện ích công cộng và tiền sử dụng đất	Không chịu thuế
- Nền đất ưu đãi	5%
- Phí duy tu, thuê mặt bằng, kho xưởng,	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	78.851.778.795	105.346.128.896
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	743.814.641	126.966.000
- Các khoản điều chỉnh giảm	(865.487.518)	(867.749.600)
Tổng thu nhập chịu thuế	78.730.105.918	104.605.345.296
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	19.682.526.480	26.151.336.324

Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 2% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo qui định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bàn giao bất động sản.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí duy tu bảo dưỡng	17.628.395.161	17.628.395.161
Chi phí phải trả khác	446.484.000	168.994.909
Cộng	18.074.879.161	17.797.390.070

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội và Kinh phí công đoàn	35.312.906	4.534.820
Trái tức phải trả	3.837.600	3.837.600
Cổ tức phải trả	716.626.100	599.645.400
Nhận tiền bồi thường bảo hiểm	89.566.967	89.566.967
Tiền đặt cọc mua chung cư Sơn Kỳ	320.000.000	340.000.000
Tiền hỗ trợ tái định cư	339.364.437	360.522.437
Phí duy tu hạ tầng	1.950.915.576	1.978.680.790
Các khoản phải trả khác	1.344.266.292	1.054.837.691
Cộng	4.799.889.878	4.431.625.705

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích lập quỹ trong kỳ</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1.765.059.778	5.608.200.891	-	(1.243.261.040)	6.129.999.629
Quỹ phúc lợi	145.859.248	6.938.708.484	64.863.041	(4.597.234.586)	2.552.196.187
Quỹ thưởng Ban điều hành quản lý	635.082.240	900.000.000	-	(30.000.000)	1.505.082.240
Cộng	<u>2.546.001.266</u>	<u>13.446.909.375</u>	<u>64.863.041</u>	<u>(5.870.495.626)</u>	<u>10.187.278.056</u>

26. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh - vốn do Ngân sách cấp	1.135.198.013	20.938.985.327
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	41.807.888.497	47.135.495.059
Phải trả dài hạn khác	4.295.381.261	4.287.884.338
Cộng	<u>47.238.467.771</u>	<u>72.362.364.724</u>

27. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng		
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình ⁽ⁱ⁾	72.158.231.939	89.004.608.614
- Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây ⁽ⁱⁱ⁾	4.563.821.037	4.534.523.711
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Quận 12 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	11.509.122.319	7.305.239.476
Cộng	<u>88.231.175.295</u>	<u>100.844.371.801</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để xây dựng hạ tầng tại Khu công nghiệp Tân Bình và mua máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- Công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ) tại Lô 6 – 1, cụm 6, đường M1, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép xây dựng số 72/GPXD do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 10 tháng 6 năm 2008.
- Công trình xây dựng trên đất (nhà xưởng, văn phòng và công trình phụ trợ) tại cụm 2, đường M14, Khu công nghiệp Tân Bình mở rộng, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh theo Giấy phép xây dựng số 39/GPXD do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 5 năm 2009.
- Công trình xây dựng, máy móc thiết bị trên đất thuộc dự án “ Trường trung học Sơn Kỳ”.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Tây để xây dựng hạ tầng tại Khu công nghiệp Tân Bình và mua máy móc thiết bị. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp:

- Toàn bộ nhà kho (xưởng) và phần phụ trợ của dự án kho xưởng 09 cụm 2 – nhóm công nghiệp 1, khu công nghiệp Tân Bình.
- Cam kết dùng toàn bộ nguồn tiền thu được từ việc bán dây chuyền máy móc thiết bị in bao bì cho công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Kim Cương theo hợp đồng kinh tế số 210/HĐKT – 2006 ngày 12 tháng 05 năm 2006 và tất cả các nguồn thu khác từ hoạt động sản xuất kinh doanh của bên vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh 12 để xây dựng nhà máy xử lý nước thải giai đoạn 2 tại Khu công nghiệp Tân Bình. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc dự án “Nhà máy xử lý nước thải – giai đoạn 02”.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	100.844.371.801	87.233.476.058
Số tiền vay trong kỳ	4.203.882.843	41.857.525.734
Số tiền vay trả trong kỳ	(16.846.376.675)	-
Chênh lệch tỉ giá	29.297.326	702.177.822
Số cuối kỳ	<u>88.231.175.295</u>	<u>129.793.179.614</u>

28. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	114.728.998.710	116.370.231.430
Tiền chung cư	26.850.154.220	15.289.882.893
Tiền nền đất	119.431.795.689	84.074.373.342
Tiền thuê kho xưởng	1.125.133.075	-
Khác	85.385.220	-
Cộng	<u>262.221.466.914</u>	<u>215.734.487.665</u>

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 03 đính kèm trang 47.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ tức năm trước	24.064.064.800	23.805.747.500
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-
Cộng	<u>24.064.064.800</u>	<u>23.805.747.500</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24.000.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	754.000	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	754.000	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.246.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	23.246.000	24.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	181.361.389.569	356.747.609.228
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	<i>493.051.961</i>	<i>2.275.921.455</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>47.811.917.309</i>	<i>28.733.776.632</i>
<i>Doanh thu kinh doanh bất động sản</i>	<i>133.056.420.299</i>	<i>325.737.911.141</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu (hàng bán bị trả lại)	(177.733.941)	(533.354)
Doanh thu thuần	181.183.655.628	356.747.075.874
<i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	<i>315.318.020</i>	<i>2.275.388.101</i>
<i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	<i>47.811.917.309</i>	<i>28.733.776.632</i>
<i>Doanh thu thuần kinh doanh bất động sản</i>	<i>133.056.420.299</i>	<i>325.737.911.141</i>

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	644.108.860	2.220.383.520
Giá vốn cung cấp dịch vụ	23.697.374.122	18.420.354.388
Giá vốn kinh doanh bất động sản	45.176.418.026	191.989.026.202
Cộng	69.517.901.008	212.629.764.110

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	13.812.661.051	8.765.450.882
Lãi tiền cho vay	1.717.916.667	963.622.760
Cổ tức, lợi nhuận được chia	865.487.518	867.749.600
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.013.585	197.660.650
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	80.681.056	714.866.801
Lãi bán hàng trả chậm	4.094.960.492	1.517.973.473
Lãi bán cổ phiếu	3.219.889.394	-
Cộng	23.823.609.763	13.027.324.166

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi vay ngân hàng	9.316.301.555	9.394.499.760
Lãi vay huy động vốn	23.174.666	34.587.468
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	67.644.139	351.226.339
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	287.334.635	3.103.675.332
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	7.052.082.609	5.063.388.196
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	327.159.688	-
Chi phí tài chính khác	32.965.818	455.000
Cộng	17.106.663.110	17.947.832.095

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.143.804.649	2.608.581.208
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	845.452	907.260.573
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.616.875.475	1.300.238.021
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.152.576.416	4.652.229.760
Chi phí bằng tiền khác	8.697.865.876	11.771.604.371
Cộng	29.611.967.868	21.239.913.933

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	7.449.372.891	7.777.354.203
Chi phí đồ dùng văn phòng	110.522.747	218.256.666
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.616.875.472	1.300.238.018
Thuế, phí và lệ phí	124.382.775	7.168.400
Chi phí dự phòng	(153.743.000)	2.404.293.131
Chi phí dịch vụ mua ngoài	359.228.765	443.224.540
Chi phí bằng tiền khác	821.111.100	784.128.824
Cộng	10.327.750.750	12.934.663.782

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	300.000.000
Thu nhập tiền lãi hoán đổi đất	-	844.717.249
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	406.610.995	10.000.000
Thu nhập khác	2.828.637	42.157.429
Cộng	409.439.632	1.196.874.678

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	872.970.832
Chi phí khác	643.492	1.070
Cộng	643.492	872.971.902

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Các giao dịch không bằng tiền

Trong kỳ, Công ty đã mua bằng cách nhận nợ một số tài sản cố định từ các Công ty trị giá 88.367.740.750 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VIII.12 đến VIII.16 dưới đây.

Ngoài ra, Thông tư này cũng yêu cầu Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phức hợp để xác định liệu công cụ đó có bao gồm các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Phần được phân loại là nợ phải trả được trình bày riêng biệt với phần được phân loại là tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán. Yêu cầu của Thông tư này không ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty do Công ty chưa phát hành các công cụ tài chính phức hợp.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.222.000.000	1.881.000.000
Thưởng	-	186.000.000
Khác	166.450.000	127.200.000
Cộng	2.388.450.000	2.194.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Tân Bình (Tanicom)	Công ty con 100% vốn
Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice)	Công ty con 100% vốn
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima)	Công ty con 100% vốn
Công ty cổ phần thương mại du lịch Tân Thắng	Công ty con 80% vốn
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)	Công ty liên kết
Công ty TNHH một thành viên xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương mại du lịch Mimosa xanh	Công ty liên kết

Các nghiệp vụ phát sinh trọng yếu trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice)</i>		
Thuê kho xưởng	1.295.434.322	409.061.847
Phí duy tu tiện ích và các chi phí khác	2.264.600.356	1.519.134.075
Thuê đất	1.627.844.119	1.158.558.882
Phí quản lý tòa nhà 108 Tây Thạnh	267.000.000	467.000.000
Thu tiền vay	340.277.778	600.000.000
Phí uỷ thác quản lý và kinh doanh kho xưởng	1.155.539.048	601.788.988
Tiền thu điều tiết lợi nhuận	402.840.518	2.100.000.000
Điều chuyển công nợ của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Tân Bình (Tanicom)	307.209.876	-
<i>Công ty TNHH một thành viên xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)</i>		
Mua tài sản cố định và xây dựng các công trình	20.684.503.595	14.223.625.002
Thuê đất	281.904.762	281.904.762
Chi phí cải tạo sửa chữa	229.742.727	-
<i>Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Tân Bình (Tanicom)</i>		
Lãi cho vay	-	232.511.649
Thuê mặt bằng	-	154.090.908
<i>Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima)</i>		
Bán đất sét	-	105.876.000
Mua lại tài sản cố định	-	21.279.358.080
Chuyển nhượng quyền khai thác	495.000.000	-
Tiền cho thuê Tài sản cố định	758.181.818	505.454.545

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần kính Tân Bình (Taniglass)		
Thuê kho xưởng	-	830.115.000
Mua tài sản cố định	-	12.900.648.986
Thi công công trình	-	1.480.838.166
Công ty TNHH một thành viên dịch vụ thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa)		
Tạm ứng kinh phí hoạt động	-	10.000.000
Cho thuê tài sản	116.970.000	41.190.000
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn		
Lãi vay kinh doanh	1.304.722.222	-
Chi phí tham quan	59.245.000	-
Công ty cổ phần Kính Tân Bình		
Tiền thuê máy cường lực	450.000.000	-
Tiền thuê kho xưởng	958.513.424	-
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice)		
Tiền cho mượn	-	600.000.000
Tiền cho vay	7.000.000.000	-
Công ty TNHH một thành viên xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)		
Tiền điện phải thu	28.507.683	-
Công ty TNHH một thành viên khai thác sản xuất vật liệu xây dựng Tân Bình (Tanima)		
Phải thu giá trị đầu tư nhà máy	6.116.567.913	6.116.567.913
Phải thu tiền bán đất sét	100.195.311	888.247.375
Tiền thuê tài sản cố định	1.251.000.000	417.000.000
Phải thu tiền bán quyền khai thác	544.500.000	-
Công ty TNHH MTV dịch vụ - thể thao và quảng cáo Tân Bình (Tanisa)		
Phải thu tiền điện	4.083.200	-
Cho thuê Tài sản	45.309.000	-
Công ty cổ phần chứng khoán Chợ Lớn		
Phải thu lãi cho vay	151.861.110	-
Công ty cổ phần kính Tân Bình		
Phải thu tiền thuê kho xưởng	590.410.124	-
Phải thu bán hàng	2.383.987.100	2.823.987.100

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền thuê máy cường lực	330.000.000	-
Cộng nợ phải thu	<u>18.546.421.441</u>	<u>10.845.802.388</u>
Công ty TNHH một thành viên xây dựng cơ khí Tân Bình (Tanicons)		
Phải trả tiền xây dựng công trình	8.100.357.125	11.515.679.149
Phải trả chi phí cải tạo	25.271.700	-
Công ty TNHH một thành viên thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Tân Bình (Tanicom)		
Phải trả phí ủy thác	-	307.209.876
Công ty TNHH một thành viên sản xuất dịch vụ Tân Bình (Taniservice)		
Phải trả phí ủy thác, duy tu bảo dưỡng và tiền điện	1.131.714.114	471.650.550
Chuyển từ công nợ của Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Tân Bình (Tanicom) sang	307.209.876	-
Cộng nợ phải trả	<u>9.564.552.815</u>	<u>12.294.539.575</u>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận giữa các bên.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: hoạt động kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 02: hoạt động kinh doanh khác (bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ thuê kho xưởng).

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực kinh doanh bất động sản</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh khác</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	133.056.420.299	48.127.235.329	181.183.655.628
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>133.056.420.299</u>	<u>48.127.235.329</u>	<u>181.183.655.628</u>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	87.880.002.273	23.785.752.347	111.665.754.620
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(39.939.718.618)

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác	Cộng
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			71.726.036.002
Doanh thu hoạt động tài chính			23.823.609.763
Chi phí tài chính			(17.106.663.110)
Thu nhập khác			409.439.632
Chi phí khác			(643.492)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(19.682.526.480)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			59.169.252.315
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	27.745.622.502	10.035.743.487	37.781.365.989
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	20.871.687.700	7.549.403.655	28.421.091.355
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	325.737.911.141	31.009.164.733	356.747.075.874
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	325.737.911.141	31.009.164.733	356.747.075.874
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	133.748.884.939	10.368.426.825	144.117.311.764
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(34.174.577.715)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			109.942.734.049
Doanh thu hoạt động tài chính			13.027.324.166
Chi phí tài chính			(17.947.832.095)
Thu nhập khác			1.196.874.678
Chi phí khác			(872.971.902)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(26.151.336.324)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			79.194.792.572
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	161.439.837.722	15.368.535.105	176.808.372.827
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	20.473.107.483	1.948.971.676	22.422.079.159
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	135.735.374.363	135.735.374.363
Tài sản phân bổ cho bộ phận	555.039.285.731	200.760.746.916	755.800.032.647
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			84.573.488.673
Tổng tài sản			976.108.895.683
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	332.295.630.113	120.193.147.789	452.488.777.902
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			10.187.278.056
Tổng nợ phải trả			462.676.055.958

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Lĩnh vực kinh doanh khác	Cộng
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	200.234.184.080	200.234.184.080
Tài sản phân bổ cho bộ phận	547.405.371.482	141.165.070.239	688.570.441.721
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			80.953.815.576
Tổng tài sản			969.758.441.377
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	368.755.421.542	95.094.764.675	463.850.186.217
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			2.546.001.266
Tổng nợ phải trả			466.396.187.483

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	250.157.911.196	214.036.519.782	250.157.911.196	214.036.519.782
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	16.662.841.068	23.365.065.983	16.662.841.068	23.365.065.983
Phải thu khách hàng	17.259.000.921	26.031.776.906	17.259.000.921	26.031.776.906
Các khoản cho vay	17.000.000.000	-	17.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	15.522.781.098	15.690.285.709	15.522.781.098	15.690.285.709
Cộng	316.602.534.283	279.123.648.380	316.602.534.283	279.123.648.380
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	16.842.440.625	15.738.094.908	16.842.440.625	15.738.094.908
Vay và nợ	99.123.295.295	127.539.971.801	99.123.295.295	127.539.971.801
Các khoản phải trả khác	70.380.929.467	102.441.990.489	70.380.929.467	102.441.990.489
Cộng	186.346.665.387	245.720.057.198	186.346.665.387	245.720.057.198

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.27). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị sổ sách	Điều khoản và điều kiện thế chấp
Số cuối kỳ		
Cụm kho xưởng	86.408.536.951	Thế chấp các khoản vay ngân hàng nhằm bổ sung vốn kinh doanh
Cộng	86.408.536.951	
Số đầu năm		
Cụm kho xưởng	84.468.691.115	Thế chấp các khoản vay ngân hàng nhằm bổ sung vốn kinh doanh
Cộng	84.468.691.115	

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	10.892.120.000	88.231.175.295	-	99.123.295.295
Vay và nợ	16.535.230.749	307.209.876	-	16.842.440.625
Các khoản phải trả khác	22.874.769.039	47.506.160.428	-	70.380.929.467
Cộng	50.302.119.788	136.044.545.599	-	186.346.665.387
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	26.695.600.000	100.844.371.801	-	127.539.971.801
Vay và nợ	15.337.029.046	401.065.862	-	15.738.094.908
Các khoản phải trả khác	29.808.509.358	72.633.481.131	-	102.441.990.489
Cộng	71.841.138.404	173.878.918.794	-	245.720.057.198

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là USD.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	<u>Thay đổi lãi suất (%)</u>	<u>Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</u>
Kỳ này	+ 2	(1.486.849.429)
	- 2	1.486.849.429
Kỳ trước	+ 2	(1.913.099.577)
	- 2	1.913.099.577

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2012, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty là 4.079.434.886 VND (tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 là 5.926.119.194 VND). Nếu giá cả các cổ phiếu này tăng/giảm 10% thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ giảm/tăng khoảng 407.943.489 VND (năm trước là 592.611.919 VND).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2012

			
Nguyễn Thị Ngọc Thơm Người lập biểu	Hà Thị Thu Thảo Kế toán phó		Nguyễn Minh Tâm Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	16.973.944.812	16.395.724.357	17.633.043.230	3.363.222.163	2.833.488.006	96.299.503.037	153.498.925.605
Tăng trong kỳ	6.686.256.608	-	-	111.305.456	-	922.218.138	7.719.780.202
Mua sắm mới	-	-	-	111.305.456	-	-	111.305.456
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	6.686.256.608	-	-	-	-	922.218.138	7.608.474.746
Giảm trong kỳ do chuyển sang bất động sản đầu tư	(65.510.000)	-	-	-	-	(3.768.616.208)	(3.834.126.208)
Số cuối kỳ	23.594.691.420	16.395.724.357	17.633.043.230	3.474.527.619	2.833.488.006	93.453.104.967	157.384.579.599
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	776.568.403	46.821.045	7.618.408.544	2.685.915.591	600.299.434	37.384.204.974	49.112.217.991
Giá trị khấu hao							
Số đầu năm	12.238.113.305	1.109.547.348	11.287.374.978	2.949.454.695	1.993.542.193	73.632.105.787	103.210.138.306
Khấu hao trong kỳ	1.297.722.360	831.634.212	851.636.309	107.700.495	159.513.474	4.228.941.055	7.477.147.905
Giảm trong kỳ do chuyển sang bất động sản đầu tư	(11.698.215)	-	-	-	-	(1.692.777.933)	(1.704.476.148)
Số cuối kỳ	13.524.137.450	1.941.181.560	12.139.011.287	3.057.155.190	2.153.055.667	76.168.268.909	108.982.810.063
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	4.735.831.507	15.286.177.009	6.345.668.252	413.767.468	839.945.813	22.667.397.250	50.288.787.299
Số cuối kỳ	10.070.553.970	14.454.542.797	5.494.031.943	417.372.429	680.432.339	17.284.836.058	48.401.769.536
<i>Trong đó:</i>							
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-	-



Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lập biểu



Hà Thị Thu Thảo
Kế toán phó

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2012




Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, phường 9, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trả trước dài hạn trong kỳ	Kết chuyển vào giá vốn trong kỳ	Giảm khác	Số cuối kỳ
Chi phí xây dựng cơ bản tại Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng							
Khu công nghiệp Tân Bình	65.919.147.243	9.574.620.380	(6.990.789.138)	(4.404.077.110)	(21.636.114.000)	(18.686.261.033)	23.776.526.342
<i>Công trình Khu công nghiệp Tân Bình</i>	<i>21.972.711.268</i>	<i>94.671.363</i>	<i>(197.371.363)</i>	-	<i>(21.636.114.000)</i>	-	<i>233.897.268</i>
<i>Công trình lưới điện thi công theo nguồn vốn ngân sách (*)</i>	<i>17.817.763.950</i>	<i>529.804.686</i>	-	-	-	<i>(18.347.568.636)</i>	-
<i>Chi phí đền bù và các chi phí chung</i>	<i>8.718.788.947</i>	<i>6.917.786.781</i>	<i>(784.836.363)</i>	<i>(4.404.077.110)</i>	-	-	<i>10.447.662.255</i>
<i>Công trình tiện ích công cộng</i>	<i>14.700.995.588</i>	<i>1.874.063.641</i>	<i>(6.008.581.412)</i>	-	-	<i>(338.692.397)</i>	<i>10.227.785.420</i>
<i>Công trình nhà ở cho người lao động</i>	<i>1.703.114.505</i>	<i>158.293.909</i>	-	-	-	-	<i>1.861.408.414</i>
<i>Văn phòng Khu công nghiệp Tân Bình</i>	<i>700.519.714</i>	-	-	-	-	-	<i>700.519.714</i>
<i>Văn phòng Lê Trọng Tấn</i>	<i>305.253.271</i>	-	-	-	-	-	<i>305.253.271</i>
Chi phí xây dựng cơ bản tại							
Văn phòng Công ty	4.526.947.405	5.081.059.574	(1.142.137.708)	-	-	-	8.465.869.271
<i>Khu công nghiệp Đông Thạnh-Hóc Môn</i>	-	-	-	-	-	-	-
<i>Trung tâm thương mại chợ Tân Bình</i>	<i>651.559.016</i>	-	-	-	-	-	<i>651.559.016</i>
<i>Trung tâm thương mại Ngã tư ga</i>	<i>1.775.201.078</i>	-	-	-	-	-	<i>1.775.201.078</i>
<i>Tanhotel (261 Hoàng Văn Thụ)</i>	<i>947.248.834</i>	<i>5.081.049.162</i>	-	-	-	-	<i>6.028.297.996</i>
<i>TTVH Ao đôi (Dân cư 6)</i>	<i>10.811.181</i>	-	-	-	-	-	<i>10.811.181</i>
<i>Trang trại Long An</i>	-	-	-	-	-	-	-
<i>Chi Nhánh Long An</i>	<i>1.099.427.296</i>	-	<i>(1.099.427.296)</i>	-	-	-	-
<i>Khác</i>	<i>42.700.000</i>	<i>10.412</i>	<i>(42.710.412)</i>	-	-	-	-
Cộng	70.446.094.648	14.655.679.954	(8.132.926.846)	(4.404.077.110)	(21.636.114.000)	(18.686.261.033)	32.242.395.613

(*) Theo quyết định số 163/QĐ-SCN ngày 21 tháng 9 năm 2007 của Sở Công nghiệp (nay là Sở Công thương) TP. Hồ Chí Minh, Ban đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được giao thực hiện dự án "Xây dựng mới hệ thống lưới điện trung hạ thế cung cấp cho nhóm dân cư - khu công nghiệp Tân Bình mở rộng". Khi công trình hoàn thành, Ban sẽ bàn giao và quyết toán với Ngân sách Nhà nước.



Nguyễn Thị Ngọc Thơm
Người lập biểu



Hà Thị Thu Thảo
Kế toán phó

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2012




Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU DỊCH VỤ VÀ ĐẦU TƯ TÂN BÌNH

Địa chỉ: 89 Lý Thường Kiệt, Phường 9, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012

Phụ lục 3: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	210.352.860.000	-	46.931.649.205	9.772.178.073	80.947.142.021	468.003.829.299
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	120.000.000.000	(120.000.000.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	99.124.406.913	99.124.406.913
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	(17.818.954.500)	(17.818.954.500)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	13.946.210.345	1.198.821.277	(25.393.321.089)	(10.248.289.467)
Tăng khác	-	-	-	-	301.261.649	-	301.261.649
Số dư cuối năm trước	240.000.000.000	90.352.860.000	-	60.877.859.550	11.272.260.999	100.859.273.345	503.362.253.894
Số dư đầu năm nay	240.000.000.000	90.352.860.000	-	60.877.859.550	11.272.260.999	100.859.273.345	503.362.253.894
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	59.169.252.315	59.169.252.315
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	(24.181.045.500)	(24.181.045.500)
Mua lại cổ phiếu trong kỳ	-	-	(12.901.547.446)	-	-	-	(12.901.547.446)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	19.824.881.383	4.956.220.346	(38.228.011.104)	(13.446.909.375)
Tăng khác	-	-	-	1.144.668.669	286.167.168	-	1.430.835.837
Số dư cuối kỳ	240.000.000.000	90.352.860.000	(12.901.547.446)	81.847.409.602	16.514.648.513	97.619.469.056	513.432.839.725

Nguyễn Thị Ngọc Thom
Người lập biểu

Hà Thị Thu Thảo
Kế toán phó

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 5 năm 2012

Nguyễn Minh Tâm
Tổng Giám đốc